

THĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 20/8/2025

NGHỊ QUYẾT

Về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (kinh phí chi đầu tư phát triển và kinh phí chi thường xuyên), bao gồm:

- Quy trình thực hiện dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tổng mức đầu tư, dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Quy trình thực hiện hoạt động mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

2. Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc thực hiện dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn khác áp dụng các quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Quy trình thực hiện dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

1. Quy trình thực hiện dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP) và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, trừ quy định về các bước thiết kế; thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế dự án; thời gian thẩm định, quyết định đầu tư; tổng mức đầu tư, dự toán dự án và các quy định riêng đối với dự án phần mềm nội bộ được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

2. Các bước thiết kế

a) Việc thiết kế được thực hiện 01 bước hoặc 02 bước: Thiết kế 01 bước gồm thiết kế chi tiết; thiết kế 02 bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết;

b) Thiết kế 01 bước được áp dụng đối với các dự án quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Thiết kế 02 bước được áp dụng đối với các dự án quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Trong trường hợp thiết kế 01 bước, thiết kế chi tiết và dự toán của báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư thay cho thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư của báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong trường hợp thiết kế 02 bước, thiết kế chi tiết phải phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt về mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có).

3. Các dự án được áp dụng thiết kế 01 bước:

a) Dự án sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước để mua dự phòng, thay thế, bổ sung các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua thiết bị không cần lắp đặt; mua phần mềm thương mại; mua thiết bị phần cứng riêng lẻ; mua thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu không thuộc hoạt động quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Nội dung thiết kế thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP;

b) Dự án sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng;

c) Dự án sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước không thuộc các trường hợp quy định tại điểm b khoản này nếu chủ đầu tư xét thấy có thể thiết kế 01 bước thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép thực hiện thiết kế 01 bước.

4. Các dự án được áp dụng thiết kế 02 bước:

a) Dự án không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều này nhưng cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư yêu cầu thực hiện thiết kế 02 bước.

5. Thẩm quyền thẩm định dự án

a) Đối với dự án sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, cơ quan thẩm định dự án được xác định theo quy định tại Luật Đầu tư công;

b) Đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cấp mình tổ chức thẩm định dự án.

6. Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế 02 bước, thiết kế chi tiết trong trường hợp thiết kế 01 bước

a) Các dự án nhóm A không phải gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết;

b) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tại bộ, cơ quan trung ương: Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án;

c) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tại địa phương: Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án.

7. Thời gian thẩm định, quyết định đầu tư dự án

a) Thời gian thẩm định dự án (bao gồm thời gian thẩm định thiết kế) kể từ ngày cơ quan thẩm định quy định tại khoản 5 Điều này nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, trong đó thời gian thẩm định thiết kế không quá 15 ngày làm việc. Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, C, trong đó thời gian thẩm định thiết kế không quá 10 ngày làm việc;

b) Thời gian quyết định đầu tư dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 03 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, C.

8. Chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 02 bước) hoặc thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 01 bước) trong trường hợp không thay đổi mục tiêu, quy mô, thời gian thực hiện, kết quả đầu ra của dự án và không làm vượt tổng mức đầu tư (trường hợp thiết kế 02 bước) hoặc dự toán (trường hợp thiết kế 01 bước) đã được phê duyệt. Chủ đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về yêu cầu của thiết kế khi thực hiện điều chỉnh thiết kế, chịu trách nhiệm toàn diện đối với thiết kế điều chỉnh và gửi thiết kế đã điều chỉnh cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư để giám sát.

9. Một số quy định riêng đối với dự án đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ hoặc dự án có hạng mục đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ trong trường hợp thực hiện thiết kế 02 bước thì thực hiện theo Điều 4 của Nghị quyết này.

10. Mẫu hồ sơ mời thầu đối với gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ áp dụng theo mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Tổng mức đầu tư, dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Tổng mức đầu tư, dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Trong đó, phương pháp xác định một số chi phí thực hiện theo quy định sau:

1. Chi phí xây lắp; chi phí trang thiết bị (chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin; chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có); chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu, bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có)) được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá.

2. Chi phí quản lý dự án (trong trường hợp thuê tư vấn và không bao gồm chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án) và chi phí tư vấn đầu tư (trừ trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện) được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá hoặc phương pháp xác định chi phí theo chuyên gia.

3. Chi phí khác (trừ chi phí kiểm toán độc lập, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư) được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá.

4. Phương pháp xác định chi phí theo báo giá, phương pháp xác định chi phí theo chuyên gia thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quy trình đối với dự án phần mềm nội bộ

Đối với các dự án đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ hoặc dự án có hạng mục đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ trong trường hợp thực hiện thiết kế 02 bước, sau khi cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án, chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê một nhà thầu tổ chức khảo sát bổ sung (nếu thấy cần thiết), lập thiết kế chi tiết và thực hiện công tác triển khai (sau đây gọi là nhà thầu triển khai). Một số quy định riêng cụ thể như sau:

1. Nội dung chính của thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

a) Yêu cầu thiết kế cơ sở: Phải tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh; phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng; phải đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước (nếu có); phải bảo đảm xác định được tổng mức đầu tư;

b) Phần thuyết minh: Mô tả các yêu cầu của dự án; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng; thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật, số lượng thiết bị;

c) Phần sơ đồ sơ bộ: Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; sơ đồ sơ bộ xây lắp, lắp đặt (đối với xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện); sơ đồ sơ bộ thể hiện việc kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan;

d) Đối với hạng mục xây lắp mạng, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin và các phụ kiện: Các chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng trong triển khai lắp đặt, cài đặt, kiểm tra và hiệu chỉnh thiết bị; danh mục thiết bị lắp đặt, cài đặt và các thông số kỹ thuật của thiết bị; thống kê khối lượng công tác xây lắp, thiết bị của các hạng mục đầu tư chính và phụ;

đ) Đối với hạng mục phần mềm nội bộ: Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP;

e) Khối lượng sơ bộ công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành và các công tác khác có liên quan;

g) Mô tả yêu cầu về an toàn thông tin của dự án.

2. Trong giai đoạn thực hiện đầu tư, nội dung chính của hồ sơ thiết kế chi tiết được lập không bao gồm dự toán và không phải lập, thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; chỉ phải lập thiết kế chi tiết. Thiết kế chi tiết là một trong các căn cứ để tổ chức triển khai, giám sát triển khai, kiểm thử hoặc vận hành thử, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án

a) Nhà thầu triển khai có trách nhiệm bảo đảm tuân thủ các quy định về yêu cầu thiết kế chi tiết và phải bàn giao thiết kế chi tiết cho chủ đầu tư trước khi triển khai để giám sát thực hiện;

b) Thiết kế chi tiết được nhà thầu triển khai điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai và phải được gửi cho chủ đầu tư ngay sau khi điều chỉnh, bổ sung;

c) Chủ đầu tư không phải tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết do nhà thầu triển khai lập, điều chỉnh, bổ sung;

d) Trường hợp thiết kế chi tiết do nhà thầu triển khai lập, điều chỉnh, bổ sung, điều chỉnh dẫn tới phải điều chỉnh dự án thì chủ đầu tư tổ chức thực hiện điều chỉnh dự án theo quy định;

đ) Nhà thầu triển khai được lập thiết kế chi tiết và triển khai đối với toàn bộ hoặc từng hạng mục của dự án trên cơ sở thống nhất với chủ đầu tư;

e) Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu thực hiện giám sát công tác triển khai xây lắp, lắp đặt hệ thống thông tin, phần cứng, cài đặt phần mềm thương mại, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị.

3. Mẫu hồ sơ mời thầu đối với gói thầu thiết kế và thực hiện công tác triển khai áp dụng theo mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EP của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Quy trình thực hiện hoạt động mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện mua sắm và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật có liên quan và không phải lập dự án, không phải lập kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng bao gồm:

a) Các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP;

b) Hoạt động mua sắm dự phòng, thay thế, bổ sung các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại) thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại); mua sắm thiết bị phần cứng riêng lẻ;

c) Hoạt động nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước cần thực hiện ngay do quy trình nghiệp vụ thay đổi theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật;

d) Hoạt động xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ mà nếu áp dụng quy định tại Điều 51a hoặc khoản 2 Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP thì không bảo đảm hoàn thành tiến độ.

Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc áp dụng không phải lập dự án, không phải lập kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại điểm này. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đơn vị sử dụng ngân sách trong việc triển khai nhiệm vụ bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực. Đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, trong đó một số nội dung được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này như sau:

a) Không phải thuyết minh lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc đầu tư, mua sắm;

b) Dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo yêu cầu riêng quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Trong đó, chi phí thuê dịch vụ được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá; chi phí quản lý (trường hợp thuê tư vấn), chi phí tư vấn (trừ trường hợp chủ trì thuê tự thực hiện) được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá hoặc phương pháp xác định chi phí theo chuyên gia; chi phí khác (trừ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn) được xác định theo phương pháp xác định chi phí theo báo giá.

Phương pháp xác định chi phí theo báo giá, phương pháp xác định chi phí theo chuyên gia thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án, nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được quyết định đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

Trường hợp cần thiết áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết này thì cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ xem xét, quyết định, bảo đảm không làm gián đoạn hoặc kéo dài thời gian thực hiện các công việc.

2. Dự án, nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa được quyết định đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Nghị quyết này.

Trường hợp dự án, nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ đã có báo cáo thẩm định và chưa được quyết định đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ xem xét, quyết định áp dụng theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP hoặc quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị quyết này được thực hiện đến khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết, trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với nghị định, nghị quyết khác của Chính phủ thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

4. Các quy định khác trong triển khai dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước không quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2). 70

